

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 407/CTKTTL-TCHC
Về việc Công bố thông tin theo
Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 8 năm 2021

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG

SỐ: 6973
ĐẾN Ngày: 12/8/21
Chuyển:
Số và ký hiệu MS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Nay, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản liên quan phải công bố thông tin định kỳ theo quy định Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Vậy, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận báo cáo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư được biết./.

Nơi nhận: *nghe*

- Như trên;
- UBND tỉnh Ninh Thuận (Thay b/c);
- Sở Thông tin và truyền thông tỉnh (Để công bố);
- Sở Tài chính tỉnh (Thay b/c);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc;
- Cổng thông tin điện tử Công ty (khaithacthuyloininhthuan.com.vn);
- Email: info@business.gov.vn;
- Lưu: VT, TCHC. NTLH



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

hamb
Lê Phạm Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn
Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Số: 1330
Ngày: 10/8/21
huyện:
số:

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016 ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày

13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận tại Tờ trình số 566/TTr-CTKTTL ngày 15/7/2021; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2241 /TTr-SNV ngày 20/7/2021 và Báo cáo thẩm định số 1433/BC-STP ngày 08/7/2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận gồm 9 chương 45 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 /08 /2021 và thay thế Quyết định số 86/2016/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; Chủ tịch Công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT.NĐT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam



ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận**
(*Kèm theo Quyết định số: 49 /2021/QĐ-UBND ngày 10 /8/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Công ty) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Cơ quan đại diện chủ sở hữu*" là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

b) "*Đơn vị trực thuộc*" là các Trạm thủy nông nằm trong cơ cấu tổ chức Công ty.

c) "*Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*" là Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

d) "*Nghị định 91/2015/NĐ-CP*" là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

đ) "*Nghị định số 32/2018/NĐ-CP*" là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

e) "*Nghị định số 10/2019/NĐ-CP*" là Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

g) "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

h) "*Nghị định số 159/2020/NĐ-CP*" là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

i) “*Nghị định số 47/2021/NĐ-CP*” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

k) “*Nghị định số 32/2019/NĐ-CP*” là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

l) Các từ, thuật ngữ khác cần được viết tắt, giải thích trong Điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên Công ty, trụ sở chính

1. Tên đầy đủ: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

- Tên viết tắt: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

- Tên tiếng Anh: Ninh Thuan Irrigation Management Limeted Company;

- Tên tiếng Anh viết tắt: Ninh Thuan IMCo Ltd;

2. Trụ sở chính: Số 144 đường 21 tháng 8, Phường Phước Mỹ, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;

- Điện thoại: 0259.3823338

Fax: 0259.3825500

3. Tài khoản giao dịch:

+ 61510000000162 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận;

+ 117000022496 tại Ngân hàng TMCP Công thương Ninh Thuận;


+ 0811000979899 tại ngân hàng TMCP ngoại thương chi nhánh Ninh Thuận;

+ 4902201002269 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Phan Rang.

4. Mã số thuế: 4500140073

5. Công ty được phép thành lập các Trạm thủy nông trên địa bàn tỉnh theo quy định của Pháp luật.

6. Biểu tượng (Logo):

	<p>+ Vòng tròn viền, chữ “CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN”</p> <p>+ Hình vẽ ở giữa vòng tròn tượng trưng tràn tự do và bông hoa bên trên</p>
---	---

Điều 3. Hình thức và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - a) Tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh trên địa bàn tỉnh.
 - b) Bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn của Nhà nước có hiệu quả trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký và theo quy định của Nhà nước, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp pháp cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao.
 - c) Phát triển thêm các hoạt động kinh doanh tổng hợp có liên quan đến hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi để phát huy hiệu quả nguồn lực được nhà nước giao quản lý, sử dụng.
 - d) Tăng cường công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản và mọi nguồn lực nhà nước giao.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - a) Ngành nghề kinh doanh chính (hoạt động công ích): Quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và dân sinh kinh tế.
 - b) Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác, cung cấp nước cho sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu; cung cấp cho các tổ chức và cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi; khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình.

3. Phạm vi kinh doanh:

Tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao trên địa bàn trong tỉnh và ngoài tỉnh.

4. Thời hạn hoạt động

a) Thời hạn hoạt động của Công ty kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.729.907.238.845 đồng. (Bằng chữ: Một ngàn, bảy trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng)

Điều 6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu

Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty. Việc phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với công ty theo quy định Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; nếu xuất cảnh quá 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

Căn cứ quyền của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh khai thác công trình thủy lợi; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các quyền của Công ty, trong đó:

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức kinh doanh theo quy định của Điều 7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 Điều lệ này.

Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý, lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.”

3. Quyền tham gia hoạt động công ích: Đối với nhiệm vụ công ích được Nhà nước giao kế hoạch, Công ty được Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, cơ chế chính sách và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích, và kinh phí thực hiện phải đảm bảo bù đắp chi phí và lợi ích khác của Công ty. Theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 9 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

Căn cứ nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh khai thác công trình thủy

lợi; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các nghĩa vụ của Công ty, trong đó đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và các cán bộ quản lý khác.

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

i) Chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia nhiệm vụ công ích (nếu có) theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III
QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ
SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC
HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI
DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 12. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

- a) Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản;
- b) Ban hành Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ;
- c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;
- d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, quyết định quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên;
- đ) Phê duyệt đề nghị của Chủ tịch công ty về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc công ty;
- e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty theo quy định tại các điều 23, 24, 28, và 29 của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Công ty;
- g) Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư;
- h) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Công ty;
- i) Chấp thuận để Chủ tịch công ty phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty;
- k) Phê duyệt chủ trương để Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể trạm thủy nông, chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty theo quy định của pháp luật;

l) Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty;

m) Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên.

2. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Công ty.

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quy định tại Điểm a, b, c, e, g, h, i, k, l, m, Khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đối với Công ty.

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm và thanh tra theo quy định việc thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề quy định tại Điểm a, b, d, đ, k Khoản 1 Điều này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ tại Công ty.

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng và xếp lại hạng doanh nghiệp theo quy định. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm và thanh tra theo quy định việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

7. Chủ tịch công ty được giao thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

8. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty theo quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan để giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty giám sát toàn diện việc quản lý điều hành, các hoạt động kinh doanh và các nhiệm vụ khác tại Công ty của Chủ tịch công ty và Giám đốc công ty.

Điều 13. Tổ chức thực hiện nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn Điều lệ cho Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và tài sản của Công ty;

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

b) Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty: Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IV TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

Công ty được tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, theo mô hình Chủ tịch công ty theo quy định Luật doanh nghiệp, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP và theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Mục 1 CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 15. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này.

2. Chủ tịch Công ty có thể kiêm nhiệm Giám đốc công ty mình, nhưng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác.

3. Chủ tịch công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 16 và Điều 19 của Điều lệ này.

4. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

5. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

6. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch công ty" bao gồm cả trường hợp Chủ tịch công ty kiêm nhiệm Giám đốc.

7. Quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch công ty, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty chấp thuận.

8. Trường hợp Chủ tịch công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty quyết định sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt các nội dung sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc;

c) Quyết định các nội dung theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

d) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

đ) Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Công ty;

e) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

g) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, trạm thủy nông và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

h) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ công ty.

2. Chủ tịch công ty quyết định các nội dung sau đây:

a) Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Giám đốc, các chức danh khác do Chủ tịch bổ nhiệm;

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền.

3. Chủ tịch công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

4. Chủ tịch công ty phải chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty khi Công ty hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

5. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Công ty.

6. Chủ tịch công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch công ty

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

2. Thường trú tại Việt Nam, phải là công dân Việt Nam.

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

5. Không phải là người quản lý công ty thành viên.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

Điều 18. Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 17 của Điều lệ này; Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Chủ tịch công ty.

2. Chủ tịch công ty bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Tuân thủ Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

a) Lạm dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Mục 2

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Giám đốc

1. Giám đốc công ty do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng theo phương án nhân sự đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty chấp thuận.

2. Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm.

3. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

4. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các quyết định của Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

c) Quyết định các công việc hằng ngày của Công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch công ty chấp thuận;

đ) Ký hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh quản lý theo phân cấp thẩm quyền sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch công ty;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh, và báo cáo tài chính hằng năm;

i) Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty, khi xét thấy cần thiết;

k) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin nghỉ việc.

6. Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;

b) Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty;

d) Công ty vi phạm pháp luật;

đ) Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 19 và khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này;

e) Các trường hợp khác quy định pháp luật hiện hành.

Điều 21. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 22. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

b) Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch công ty, Giám đốc. Trường hợp phát

hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch công ty, Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo Điều 86 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các văn bản pháp luật có liên quan (nếu có).

Điều 23. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc.

Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 người. Chủ tịch công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn 03 Phó Giám đốc, Chủ tịch công ty đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, chấp thuận.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc và phù hợp với quy định của Nghị định 159/2020/NĐ-CP, pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty quyết định, nhưng không quá năm (5) năm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại.

4. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch công ty, Giám đốc quản lý, điều hành công ty.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Chủ tịch công ty chấp thuận.

Điều 24. Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Căn cứ quy mô của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty đó. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

3. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

b) Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của Công ty không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Công ty;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát, kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát, kiểm soát viên có nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của Công ty;

b) Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty;

c) Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;

d) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

đ) Giám sát các hợp đồng giao dịch của Công ty với các bên có liên quan;

e) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn, hợp đồng giao dịch mua, bán và hợp đồng giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn hoặc giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty;

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và Chủ tịch công ty;

h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty hoặc quy định tại Điều lệ công ty.

2. Tiền lương, thưởng của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định và chi trả.

Điều 26. Quyền của Ban kiểm soát, kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp của Công ty, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch công ty; có quyền chất vấn Chủ tịch công ty và Giám đốc công ty về các kế

hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch công ty, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

3. Yêu cầu những người quản lý Công ty báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

4. Yêu cầu những người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của Công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp phát hiện có Chủ tịch công ty, Giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ Công ty phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và cá nhân có liên quan.

6. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

7. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đều phải trả lại Công ty.

5. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường

hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;

c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Điều 25, 26, 27 của Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Đơn vị trực thuộc

1. Các trạm thủy nông hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt và Giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các Trạm thủy nông sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phê duyệt chủ trương.

2. Chủ tịch công ty có thể thành lập “Kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 10 Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm

toán nội bộ” để giúp Chủ tịch công ty kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Chủ tịch công ty ban hành.

Mục 3

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị Người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban thanh tra nhân dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất các vấn đề sau:

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.
- b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.
- c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.
- d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.
- đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

- a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.
- b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện Thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động, kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hằng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch đề Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 32. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 của Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

2. Hồ sơ, thủ tục và trình tự đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 33. Quản lý tài chính công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP; Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những nội dung khác có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 34. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 35. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phù hợp với Điều 200 của Luật doanh nghiệp, Điều 23 của Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, pháp luật về thành lập doanh nghiệp, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 37. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định từ Điều 24 đến Điều 31 của Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và pháp luật có liên quan.

Điều 38. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 39. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc Công ty có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.

b) Báo cáo tài chính.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

d) Báo cáo Công bố thông tin theo quy định của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

Điều 40. Báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu những tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.

b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu :

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty trong tổ chức thực hiện quyền cơ quan đại diện chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong từng trường hợp.

Điều 41. Công khai thông tin

1. Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc Công ty hoặc người được Giám đốc công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi công bố thông tin thực hiện theo quy định của 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ .

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VIII**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC****Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 43. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 45. Phạm vi thi hành**

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.